***SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG***

**HỎI – ĐÁP**

**QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN, THÔNG TIN KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN,
THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN**

*Luật Tiếp cận thông tin được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (sau đây viết là Luật Tiếp cận thông tin năm 2016). Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang giới thiệu quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 về* ***Thông tin được tiếp cận, thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện*** *thông qua Hỏi – đáp dưới đây.*

**1. HỎI: Công dân được tiếp cận những thông tin nào của cơ quan nhà nước?**

**ĐÁP:**

Nhằm tối đa hóa phạm vi thông tin được tiếp cận cũng như bảo đảm công khai, minh bạch trong các quy định của Luật, tại Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định rõ phạm vi các thông tin của cơ quan nhà nước mà công dân được tiếp cận. Điều 5 của Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định *”Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này”*. Theo đó, công dân được tiếp cận các thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện.

Quy định loại trừ thông tin không được tiếp cận xuất phát từ nguyên tắc quyền tiếp cận thông tin là quyền có giới hạn. Giới hạn quan trọng đối với quyền tiếp cận thông tin là phạm vi thông tin được tiếp cận. Phạm vi thông tin được tiếp cận loại trừ các thông tin mà việc cung cấp có thể gây hại đối với các lợi ích quan trọng mà Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ như thông tin bí mật nhà nước, thông tin mà việc cung cấp có thể gây nguy hại cho Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ...

**2. HỎI: Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân không được tiếp cận?**

**ĐÁP:**

Căn cứ nguyên tắc hạn chế quyền công dân được quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013[[1]](#footnote-1) và trên cơ sở rà soát hệ thống pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ hồ sơ, tài liệu trong các văn bản pháp luật hiện hành, tại Điều 6 Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định các loại thông tin mà công dân không được tiếp cận bao gồm:

(1) Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật.

Đối với thông tin thuộc những loại trên, công dân không được tiếp cận, theo đó, cơ quan nhà nước không công khai thông tin để công dân tiếp cận hoặc nếu công dân yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin thì yêu cầu của công dân sẽ bị từ chối.

Tuy nhiên, khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin. Quy định này cũng đã đặt ra nguyên tắc để sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hiện nay nhằm bảo đảm thực hiện được quyền tiếp cận thông tin sau giải mật và trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin sau giải mật.

(2) Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Trong trường hợp này, công dân không được tiếp cận thông tin nếu cơ quan nhà nước qua phân tích đánh giá thấy rằng việc cung cấp thông tin là có hại đối với các lợi ích hợp pháp mà Nhà nước và pháp luật bảo vệ.

**3. HỎI: Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân có thể tiếp cận trong những điều kiện nhất định?**

**ĐÁP:**

Điều 7 Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định các trường hợp thông tin của cơ quan nhà nước mà công dân được tiếp cận có điều kiện, cụ thể là:

(1) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý;

Theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh. Tuy nhiên, không phải mọi thông tin có đặc điểm như trên được coi là thông tin bí mật kinh doanh được bảo hộ. Thông tin bí mật kinh doanh chỉ được bảo hộ nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và khi đó, thông tin này sẽ được Nhà nước bảo đảm không cung cấp nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu.

(2) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý;

(3) Thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

Các loại thông tin nêu trên thuộc về các loại bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Hiến pháp, Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Luật giao dịch điện tử... và là các thông tin được Nhà nước bảo đảm không cung cấp cho bất kỳ công dân nào. Tuy nhiên, nhằm tôn trọng quyền của cá nhân đối với thông tin về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định trong trường hợp có sự đồng ý của cá nhân hoặc các thành viên gia đình thì các loại thông tin này có thể được Nhà nước cung cấp.

**4. HỎI: Cơ sở để xác định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu/cá nhân/các thành viên gia đình là gì?**

**ĐÁP:**

Khoản 3 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: *“Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”*. Theo đó, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý của chủ sở hữu/cá nhân/các thành viên gia đình có liên quan.

Quy định này hướng đến việc ưu tiên bảo vệ lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng. Chỉ trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng, người có thẩm quyền mới được quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến các bí mật nêu trên mà không cần sự đồng ý của các chủ thể là chủ sở hữu/cá nhân/các thành viên gia đình có liên quan.

**5. HỎI: Bằng chứng thể hiện cá nhân/các thành viên trong gia đình đồng ý cung cấp thông tin liên quan đến cá nhân/gia đình là gì? Trường hợp thông tin có liên quan đến bí mật gia đình thì có cần phải được tất cả các thành viên trong gia đình đồng ý không?**

**ĐÁP:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin năm 2016, đối với thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân thì công dân được tiếp cận khi được người đó đồng ý. Đối với thông tin liên quan đến bí mật gia đình thì công dân được tiếp cận khi được các thành viên gia đình đồng ý. Tức là cần phải được tất cả các thành viên trong gia đình đồng ý.

Sự đồng ý của cá nhân/các thành viên trong gia đình phải được thể hiện bằng văn bản.

**6. HỎI: Trong trường hợp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh có đồng chủ sở hữu thì có cần phải được tất cả các chủ sở hữu đồng ý cung cấp hay không?**

**ĐÁP:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin năm 2016, công dân được tiếp cận đối với thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh khi chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý[[2]](#footnote-2).

Trường hợp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh có đồng chủ sở hữu thì công dân chỉ được tiếp cận đối với bí mật kinh doanh đó khi các đồng chủ sở hữu đồng ý, trừ trường hợp các chủ sở hữu ủy quyền cho một chủ sở hữu quyết định việc đồng ý cung cấp thông tin. Cơ chế chấp thuận này nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu bí mật kinh doanh có liên quan.

Cần lưu ý, đây phải là các thông tin do các cơ quan nhà nước quản lý trong các lĩnh vực có liên quan tới bí mật kinh doanh tạo ra và nắm giữ, quản lý. Đối với thông tin bí mật kinh doanh thuộc quản lý và sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân mà các chủ thể này tự ý cung cấp thì thực hiện theo thỏa thuận dân sự, không thực hiện theo quy trình tại Luật Tiếp cận thông tin năm 2016./.

1. *Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”* [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo khoản 3 Điều 121 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019): *Chủ sở hữu bí mật kinh doanh là tổ chức, cá nhân có được bí mật kinh doanh một cách hợp pháp và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó.* Bí mật kinh doanh mà bên làm thuê, bên thực hiện nhiệm vụ được giao có được trong khi thực hiện công việc được thuê hoặc được giao thuộc quyền sở hữu của bên thuê hoặc bên giao việc, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. [↑](#footnote-ref-2)